





STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
17	DH61702240	Nguyễn Thị Kim	Tho	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
18	DH61702574	Lê Thị Anh	Thư	4.5	-	-	-	1	3.5	-	-	10.5
19	DH61704266	Tổng Trần Thiên	Thương	0	-	-	-	-	-	-	-	15
20	DH61704288	Đặng Quốc	Tín	15	-	-	-	-	15	-	-	0
21	DH61701958	Lê Quyền	Trang	6	-	-	-	-	6	-	-	9
22	DH61702833	Trương Huỳnh Thị Mai	Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
23	DH61702163	Nguyễn Thanh	Tuấn	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5
24	DH61704470	Dương Thị	Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
25	DH61702253	Nguyễn Thanh	Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
26	DH61704564	Nguyễn Thị Thảo	Xuyên	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
1	DH61703082	Nguyễn Diệu	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
2	DH61703111	Nguyễn Hồng	Ân	14	-	-	-	-	14	-	-	1
3	DH61601540	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	0	-	-	-	-	-	-	-	15
4	DH61703274	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
5	DH61703344	Nguyễn Ngọc	Hà	2	-	-	-	-	2	-	-	13
6	DH61703379	Phạm Thị	Hiền	4	-	-	-	-	4	-	-	11
7	DH61703416	Vũ Đặng Xuân	Hồng	0	-	-	-	-	-	-	-	15
8	DH61703789	Võ Thị Thanh	Ngân	7	-	2	-	-	5	-	-	8
9	DH61701721	Nguyễn Trần Xuân	Nghi	0	-	-	-	-	-	-	-	15
10	DH61703829	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	48	30	-	-	-	18	-	-	0
11	DH61703855	Nguyễn Huỳnh Yên	Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61703895	Nguyễn Thị	Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15
13	DH61703905	Ngô Thị Tố	Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15
14	DH61703907	Nguyễn Ngọc Thảo	Như	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
15	DH61703913	Võ Thị Huỳnh	Như	1	-	-	-	-	1	-	-	14
16	DH61704849	Hồng Bình	Phong	19	15	-	-	-	4	-	-	0
17	DH61704042	Lê Thị Bích	Quyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
18	DH61700525	Nguyễn Trường	Son	0	-	-	-	-	-	-	-	15
19	DH61704108	Tô Ngọc	Thê	20.5	-	3	-	-	17.5	-	-	0
20	DH61704255	Trần Anh	Thư	23	-	2	-	-	21	-	-	0







STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
5	DH61801498	Phạm Thanh	Hiếu	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
6	DH61802261	Thiệu Thanh	Hiếu	1	-	-	-	-	1	-	-	14
7	DH61803650	Đào Thanh	Huyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15
8	DH61800599	Đoàn Thị Cẩm	Hương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
9	DH61802455	Nguyễn Thị	Lụa	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
10	DH61801546	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	9.5	-	-	-	1	8.5	-	-	5.5
11	DH61804160	Trần Nguyễn Tú	Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61800795	Trần Hồng	Phúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
13	DH61805395	Hồ Thị Mai	Phương	12	-	-	-	-	12	-	-	3
14	DH61800011	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
15	DH61801127	Nguyễn Thanh	Thảo	6	-	-	-	-	6	-	-	9
16	DH61805675	Nguyễn Hiệp	Thuận	3	-	-	-	-	3	-	-	12
17	DH61805809	Phan Thị Kiều	Trang	9.5	-	-	-	1	8.5	-	-	5.5
18	DH61800971	Trịnh Thị Thùy	Trang	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
19	DH61806378	Hà Thị Ngọc	Trâm	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
20	DH61805858	Lê Thị Lan	Trình	10.5	-	-	-	1	9.5	-	-	4.5
21	DH61801120	Lê Anh	Tùng	3	-	-	-	-	3	-	-	12
22	DH61802939	Bùi Quang	Vinh	2	-	-	-	-	2	-	-	13
23	DH61800182	Trần Chí	Vỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1	DH61905079	Lê Quốc	Anh	15	15	-	-	-	-	-	-	0
2	DH61900696	Phạm Tú	Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
3	DH61903296	Lưu Chí	Cường	1	-	-	-	-	1	-	-	14
4	DH61903317	Diệp Cẩm	Dĩnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15
5	DH61900130	Mai Thanh	Duy	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
6	DH61901821	Nguyễn Hoài	Đông	9	-	-	-	-	9	-	-	6
7	DH61903571	Hà Minh	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15
8	DH61900232	Võ Thị Quỳnh	Hoa	2	-	-	-	-	2	-	-	13
9	DH61900516	Đường Chúc	Hòa	18	-	12	-	-	6	-	-	0
10	DH61900437	Hồ Chấn	Huy	4	-	-	-	-	4	-	-	11
11	DH61905616	Nguyễn Phúc Quang	Huy	2	-	-	-	-	2	-	-	13



STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
				1	2	3	4	5	6	7	
12	DH61902134	Đặng Huỳnh Kim Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
13	DH61905129	Trương Thị Thanh Ngân	2	-	-	-	-	2	-	-	13
14	DH61902300	Võ Thị Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
15	DH61901972	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2	-	-	-	-	2	-	-	13
16	DH61902829	Lê Ngọc Yến Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
17	DH61902496	Lê Thị ý Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15
18	DH61902652	Nguyễn Hoài Phăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15
19	DH61902223	Phạm Vũ Hoài Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15
20	DH61905298	Lê Minh Sang	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
21	DH61900523	Phùng Quốc Thái	3	-	-	-	-	3	-	-	12
22	DH61904635	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15
23	DH61902201	Lê Thị Nhã Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15
24	DH61902112	Huỳnh Đức Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15
25	DH61904795	Đặng Thị Cẩm Tú	2	-	-	-	-	2	-	-	13
26	DH61901198	Lâm Thị Cẩm Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15
27	DH61905627	Nguyễn Thị Cẩm Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15
28	DH61902833	Nguyễn Thị Vy	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
29	DH61902257	Trần Thúy Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15
30	DH61902245	Nguyễn Thị Hải Yến	3	-	-	-	-	3	-	-	12

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

**Người lập bảng**

Đã ký

**KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân**

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021*

**Phụ trách phòng công tác Sinh viên**

Đã ký

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**